

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1076/2026/DS-PT

Ngày: 20-8-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Hải.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 804/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 960/2026/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026; Quyết định ngừng phiên tòa số 77/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 77/2026/TB-TA ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1961; (có mặt).

Địa chỉ: Ấ, xã V, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết C, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 4 đường C phường N, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ong S, sinh năm 1947; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấ, xã V, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lý T1, sinh năm 1969; (có mặt).

3.2. Ông Ong Quý D, sinh năm 1986; (vắng mặt).

3.3. Ông Ong Quý T2; (vắng mặt).

3.4. Bà Ong Thị Huệ M, sinh năm 1983; (vắng mặt).

3.5. Bà Lâm Tuyết C1, sinh năm 1988; (vắng mặt).

3.6. Bà Ong Thị Huệ T3; (vắng mặt).

3.7. Bà Ong Thị Huệ D1; (vắng mặt).

3.8. Bà Ong H ; (vắng mặt).

3.9. Bà Dương T4 , sinh năm 1969; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấ, xã V, Thành phố Cần Thơ.

3.10. Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ (là cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh T5: Chủ tịch UBND xã V, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: T, xã V, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn T .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/5/2025 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày:

Vào ngày 25/12/2002 ông Ong S có chuyển nhượng 01 căn nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất (*chiều ngang 5,6m và chiều dài 37m*) tại thửa 913, tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấu Thọ A, xã V, Thành phố Cần Thơ) với giá 120.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay ông Ong S không thực hiện thủ tục sang tên cho ông Trần Bạc H1 nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Ong S phải thực hiện thủ tục sang tên cho ông Trần Bạc H1 tại 01 căn nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 913, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấu Thọ A, xã V, Thành phố Cần Thơ) theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/6/2024 với diện tích là 204,5m².

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1296, tờ bản đồ 07 tọa lạc ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Ấ, xã V, Thành phố Cần Thơ) do bà Dương Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 29,9m².

Đối với bị đơn ông S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ gồm: Quý Dũng, Thị Huệ T3, Q, Thị Huệ D1, Thị Huệ M, Huệ A, Lâm Tuyết C1, Dương Thị N và Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên nhưng đều vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên biết.

Tại bản án sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T .

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/12/2002 đối với diện tích 174,6 m² thuộc thửa đất số 913, tờ bản đồ số 07 chính quy số 15, tờ bản đồ 111), tọa lạc tại ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, TP .) do hộ ông O Sử đứng tên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Bạc H1. Bị đơn ông S và các thành viên trong hộ gồm Quý D, Thị Huệ T3, Quý T2, Thị Huệ D1, Thị Huệ M, Huệ A phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Bạc H1 theo quy định của pháp luật đối với diện tích 174,6m² thuộc thửa đất số 913, tờ bản đồ số 07 (chính quy thửa số 15, tờ bản đồ 111), tọa lạc tại ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, TP .). Phần đất có vị trí tứ cận như sau (trong đó theo diện tích sơ đồ đo đạc trừ đi diện tích chênh lệch thừa so với giấy chứng nhận được cấp tại thửa 913 là 29,9m²):

Hướng giáp đường nhựa có số đo 5,42m;

Hướng giáp thửa 1296 có số đo 5,60m;

Hướng giáp thửa 912 (chính quy thửa 17) có số đo 12,43m + 23,43m;

Hướng bắc giáp thửa 1006 (chính quy thửa 18) và giáp thửa 143 (chính quy thửa 13) có số đo 10,62m + 14,13m + 12,43m;

sơ đồ kèm theo)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bạc H1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1296, tờ bản đồ 07 tọa lạc ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do bà Dương Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 29,9m².

Ông Trần Bạc H1 có nghĩa vụ liên hệ đến cấp có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025 nguyên đơn Trần Bạc H1 kháng cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 29,9m² tại thửa 1296 do bà Dương Thị N1 đứng tên để công nhận cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 được cấp có diện tích 59,9m²; tuy nhiên phần đất đang tranh chấp có diện tích đặc là 29,9m². Như vậy, diện tích đất có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ, trường hợp cần thiết có thể hủy 01 phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần diện tích 29,9m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 01 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần căn cứ vào sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 18/8/2026 của Chi nhánh phòng ký đất đai vực XX để điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp, bảo đảm việc thi hành án được dễ dàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng theo các quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Dương Thị N1 diện tích 29,9m² tại thửa 03 (tách từ thửa 913), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về mảnh trích đo địa chính: Tại tòa án cấp sơ thẩm, phía gia đình ông O Sử vắng mặt, phía nguyên đơn chỉ xác định được tổng diện tích phần đất gia đình đang sử dụng nên cơ quan chuyên môn đã không tách phần diện tích 29,9m² theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được. Vì vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa để phối hợp với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để thẩm định lại phần đất đang tranh chấp. Ngày 18/8/2026 Chi nhánh phòng đăng ký đất đai vực XX đã có sơ đồ hiện trạng thửa đất, cụ thể phần đất nguyên đơn đang tranh chấp có tổng diện tích 204,5m² loại đất ONT, tọa lạc tại ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ (trong đó phần đất tại vị trí B có diện tích 174,6m² thuộc thửa 913 (tờ bản đồ số 7 cũ) do ông Ong S đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vị trí A có diện tích 29,9m² tại thửa 1296 do bà Dương Thị N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nguyên đơn thống nhất với sơ đồ đo đạc trên để làm căn cứ giải quyết vụ án; Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do xem như đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình.

[2.2] Ngày 25/12/2002, giữa ông T và ông S có thỏa thuận chuyển nhượng nhà và đất có diện tích ngang 5m6 x chiều dài 37m (tương đương diện tích 207,2m² – bút lục: 24); trị giá 1.200.000.000 đồng, hai bên chỉ làm giấy tay không được công chứng, chứng thực cũng như đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 106, Điều 127 Luật đất đai năm 2003; Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên đã vi phạm về mặt hình thức, điều kiện và tính có hiệu lực của hợp đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2002, ông Ong S đã tiến hành giao nhận đất gắn liền với một phần nhà cho ông Trần Bạc H1 và ông Trần Bạc H1 đã trả tiền cho ông O Sử xong. Đồng thời, ông Trần Bạc H1 đã nhận đất quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay, ông Ong S cũng thừa nhận, các thành viên trong gia đình không ai phản đối hay có ý kiến gì. Căn cứ mục (b.3) Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a4 và điểm a6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng. Nếu bên nhận chuyển nhượng chỉ làm nhà trên một phần đất, thì Tòa án công nhận phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có nhà ở và hủy phần hợp đồng đối với diện tích đất còn lại, buộc bên nhận chuyển nhượng giao trả phần đất đó cho bên chuyển nhượng, trừ trường hợp việc giao trả không bảo đảm mục đích sử dụng cho cả hai bên giao kết hợp đồng, đồng thời buộc*

các bên thanh toán cho nhau phần chênh lệch”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận phần đất nguyên đơn nhận chuyển nhượng theo tờ sang nhượng nhà và đất ngày 25/12/2002 với diện tích đo thực tế có công trình kiến trúc trên đất tại (vị trí B) 174,6m², loại đất ONT là phù hợp.

[2.3] Đối với phần đất tại vị trí (A) diện tích 29,9m² nguyên đơn cho rằng diện tích đất này thuộc trong tổng phần đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của ông Ong S trong tờ sang nhượng nhà và đất ngày 25/12/2002. Xét thấy, phần đất này ông Ong S đã chuyển nhượng cho bà Dương Thị N, và bà N1 đã được nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1296, tờ bản đồ số 07, tổng diện tích 59,4m², loại đất ONT. Căn cứ vào trích lục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 thì trình tự thủ tục đảm bảo đúng quy định pháp luật, hiện trạng đất là đất trống được phía ông On S1 bao bọc bởi bức tường. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 để công nhận cho nguyên đơn là có căn cứ; Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của phía ông H1, căn cứ tại mục [2.2] trên thì cần thiết phải vô hiệu một phần Tờ sang nhượng nhà và đất giữa ông Ong S với ông Trần Bạc H1 đối với phần đất có diện tích 29,9m². Do trong vụ án này ông H1 không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu; Bà N1 cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.4] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng phần đất bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 59,9m²; Tuy nhiên phần đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc là 29,9m² là không đủ hạn mức tách thửa nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần đất trên. Xét thấy, lời trình bày trên là không có căn cứ, bởi lẽ phần đất bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 59,9m² tại thửa 1296, và phần đất ông Hon S2 đang khởi kiện yêu cầu là một phần thửa 1296 diện tích 29,9m² chứ không phải là tổng diện tích tại thửa 1296 của bà N1, và việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy một phần diện tích đất tại thửa 1296 không liên quan đến hạn mức tách thửa đất như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn T .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-PT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ (có điều chỉnh về cách tuyên án)

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T .

Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/12/2002 đối với diện tích 174,6 m² (tại vị trí B) thuộc thửa đất số 913, tờ bản đồ số 07 chính quy số 15, tờ bản đồ 111), tọa lạc tại ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, TP .) do hộ ông Ong S đứng tên thuộc quyền sử dụng hợp pháp cho ông Trần Bạc H1.

Ông Trần Bạc H1 có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định pháp luật. (*sơ đồ đo đạc kèm theo*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bạc H1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1296, tờ bản đồ 07 tọa lạc ấp Ấ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do bà Dương Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 29,9m² (phần đất tại vị trí A).

Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/12/2002 giữa ông Ong S và ông Trần Bạc H1 đối với phần đất tại vị trí A có diện tích là 29,9m².

Dành quyền khởi kiện cho ông Trần Bạc H1 đối với ông Ong S về việc xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu đối với phần đất tại vị trí A có diện tích là 29,9m².

Dành quyền khởi kiện cho bà Dương Thị N với ông Trần Bạc H1 đối với phần đất tại vị trí A có diện tích là 29,9m² do bà Dương Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ong S và ông Trần Bạc H1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tại cấp sơ thẩm là 3.173.151 đồng và tại cấp phúc thẩm là 5.923.240 đồng. Tổng cộng: 9.096.391 đồng (chín triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi một đồng) buộc các bên phải chịu như sau:

- Ông S phải chịu với số tiền là 7.742.362 đồng; ông T phải chịu với số tiền là 1.354.024 đồng.

Do ông Trần Bạc H1 đã thanh toán xong, nên buộc ông Ong S phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Bạc H1 số tiền là 7.742.362 đồng (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

4. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 20 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 8 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đào Thị Thủy